

## BÀI 29

# CẦU LONG BIÊN – CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ<sup>7</sup>

## ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

### I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Bước đầu nắm được khái niệm *văn bản nhật dụng* và ý nghĩa của việc học loại văn bản đó ;
- Hiểu được ý nghĩa làm "chứng nhân lịch sử" của cầu Long Biên qua cảm nhận của tác giả, từ đó nâng cao, làm phong phú thêm tâm hồn, tình cảm đối với quê hương đất nước, đối với các di tích lịch sử ;
- Thấy được vị trí và tác dụng của các yếu tố nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của bài bút kí mang nhiều tính chất hồi ký này.

### II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

**1. Đây là bài đầu của cụm bài *văn bản nhật dụng* cho nên yêu cầu đầu tiên là phải làm cho HS nắm được khái niệm *văn bản nhật dụng* và ý nghĩa của việc học tập loại văn bản này. (GV có thể dành 5 phút để trình bày vấn đề.)**

Đây cũng là lần đầu tiên *văn bản nhật dụng* được đưa vào Chương trình Ngữ văn nên SGV không thể không cung cấp một số thông tin cần thiết để GV tham khảo sử dụng.

Khái niệm *văn bản nhật dụng* tạm dịch từ chữ "Everyday texts" của tiếng Anh. Có thể còn phải tiếp tục trao đổi về cách sử dụng thuật ngữ song việc gắn chặt hơn nữa quá trình giảng dạy ở nhà trường nói chung và giảng dạy Ngữ văn nói riêng với thực tiễn đời sống là một yêu cầu vừa hiển nhiên, vừa bức thiết. Yêu cầu đó buộc phải điều chỉnh quan niệm về cái gọi là "chuẩn" của các văn bản cần đưa vào Chương trình Ngữ văn. Không thể chỉ khoán vấn đề giáo dục môi trường cho môn Sinh học, giáo dục truyền thống cho môn Lịch sử, giáo dục pháp luật cho môn Giáo dục công dân,... Ngữ văn không thể đứng ngoài cuộc.

Trong chuẩn môn học tiếng Anh nghệ thuật của bang Niu Oóc (Mĩ) công bố tháng 3 năm 1996, người ta có nêu một hồi kí viết về vụ thảm sát Mĩ Lai ở Việt Nam. Ở Anh, trong *Quy định mới* của *Chương trình quốc gia* công bố năm 1995 có ghi rõ yêu cầu cho học sinh tiếp xúc một "phạm vi văn bản rộng rãi" mà mục tiêu là : "Học sinh cần được dạy nhận biết, phân tích và đánh giá đặc điểm của những loại văn bản khác nhau trong các ấn phẩm và trên các phương tiện truyền thông đại chúng khác" (chuyển dẫn từ Hê-len Ác-nôn, *Đọc để khám phá*, Hiệp hội đọc sách Vương quốc Anh xuất bản, 1997, tr.12).

Ở Pháp, Chương trình Ngữ văn chủ trương dạy văn bản thuộc thể loại báo chí (presse) như tất cả các thể loại văn học khác. Ở Trung Quốc, trong văn thơ cổ, có mặt cả những bài nặng màu sắc khoa học tự nhiên của Thẩm Quát (đời Tống) ; trong văn thơ hiện đại, có mặt cả những bài đề cập đến phương pháp toán học của Hoa La Canh,...

Trong phần cuối của cuốn *Việt Nam văn học sử yếu* xuất bản trước năm 1945, GS. Dương Quảng Hàm cũng đã đưa vào trên mười văn bản giống như *văn bản nhật dụng* theo quan niệm hiện nay.

Nêu những dẫn chứng trên để thấy việc đưa *văn bản nhật dụng* vào Chương trình Ngữ văn quả là một việc làm cấp thiết và hợp lí không chỉ riêng đối với nền giáo dục nước ta mà còn đối với nền giáo dục của các nước trên thế giới.

## 2. Muốn dạy *văn bản nhật dụng* có hiệu quả nên chú ý các vấn đề sau :

a) Dạy loại văn bản này là "tạo điều kiện tích cực để thực hiện nguyên tắc giúp học sinh hòa nhập với xã hội" nên các đề tài được chọn dĩ nhiên phải có tính thời sự, song đó cũng phải là những đề tài có liên quan đến "những vấn đề xã hội có ý nghĩa lâu dài".

Do đó, dạy *văn bản nhật dụng*, trước hết là phải từ cái trước mắt, có tính cập nhật và thời sự, chỉ ra ý nghĩa lâu dài, muôn thuở ; từ cái của một nơi, chỉ ra điều của mọi nơi ; từ một phương diện, chỉ ra mối liên quan với nhiều phương diện. Do chức năng, đề tài, tính chất của văn bản, GV có quyền và cần cho HS liên hệ tới một phạm vi rộng rãi mà không bị quá gò bó trong khuôn khổ văn chương. Hoàn toàn có thể cho HS liên hệ trực tiếp vấn đề đang học với tình hình địa phương và khi cần, có thể sử dụng một số giờ dành cho Chương trình địa phương để tiến hành các hoạt động điều tra, thống kê, khảo sát.

b) Ở phần *Chú thích*, bên cạnh việc giải nghĩa, ở đây còn có những thông tin khác về lịch sử, xã hội, chính trị,... Cần lưu ý HS đọc kĩ cả những chú thích đó mới hiểu được một cách đầy đủ, sâu sắc ý nghĩa của văn bản.

c) Dù có đề cập vấn đề thời sự bức thiết đến đâu, *văn bản nhât dụng* đưa vào SGK phải đạt đến một giá trị nghệ thuật nhất định. Bởi vậy hoàn toàn có thể dạy văn bản ấy như một văn bản văn học xét về phương diện phân tích từ ngữ, thủ pháp nghệ thuật cũng như thi pháp thể loại. Một *văn bản nhât dụng* có thể sử dụng nhiều phương thức biểu đạt khác nhau xét trên tổng thể, mỗi văn bản cũng có thể xếp vào những kiểu văn bản khác nhau.

Cần căn cứ vào các nội dung đang học và đã học ở hai phần Tiếng Việt và Tập làm văn để xác định trọng điểm phân tích về mặt giá trị nghệ thuật cho phù hợp.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Tìm hiểu và phân tích bố cục bài văn.

Bài văn có ba đoạn :

Đoạn một (từ đầu đến "nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà Nội") : Nói tổng quát về cầu Long Biên trong một thế kỉ tồn tại.

Đoạn hai (từ "Cầu Long Biên" đến "dẻo dai, vững chắc") là phần trọng tâm của bài, mang nhiều tính chất hồi kí, khai triển ý chính của bài kí nêu ở cuối đoạn thứ nhất : "Cầu Long Biên như một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà Nội".

Đoạn ba (phần còn lại) : Khẳng định ý nghĩa lịch sử của cầu Long Biên trong xã hội hiện đại.

HS có thể chia bố cục theo một hướng khác, đặc biệt là phân đoạn hai ra làm nhiều phần : hai phần (cầu Long Biên thời Pháp thuộc, cầu Long Biên sau 1945), hoặc ba phần (chia phần "cầu Long Biên sau 1945" làm hai),... Đối với những ý kiến này, cần khẳng định cơ sở hợp lí của nó, song mặt khác, cần phân tích cho HS thấy, so với chủ đề của bài văn, các phần nhỏ nói trên không thể đặt ngang với đoạn đầu và đoạn cuối mặc dầu hai đoạn này rất ngắn.

**Hoạt động 2.** Tìm hiểu nội dung và đặc điểm nghệ thuật của đoạn văn từ "Cầu Long Biên khi mới khánh thành" đến "bị chết trong quá trình làm cầu".

Cần cho HS phát hiện được : Trong đoạn văn, không hề có một đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất như ta vẫn thường thấy trong hồi kí ; đặc điểm sự vật được trình bày một cách khách quan, như từ điểm nhìn của ngôi thứ ba. Đoạn văn chủ yếu dùng phương thức *thuyết minh* để nói lên những *hiểu biết* chứ không phải những *cảm nghĩ* về cầu Long Biên. Phần lược bớt nói về quá trình xây dựng cầu. Phần còn giữ lại nói về *đặc điểm* của cầu : tên gọi, độ dài, trọng lượng, hình dáng, vị trí, công dụng, quy cách và cấu tạo.

Mặt khác, quan trọng hơn, cần giúp HS thấy rõ : Những đặc điểm của sự vật đã được trình bày trong mối tương quan với những vấn đề lịch sử – xã hội khác như "Cầu Long Biên khi mới khánh thành, mang tên Toàn quyền Pháp", cầu là "kết quả của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất", cầu "được coi là một thành tựu quan trọng trong thời văn minh cầu sắt", "cảnh ăn ở khổ cực của dân phu Việt Nam", "cảnh đối xử tàn nhẫn của các ông chủ người Pháp",... do đó, dù chủ yếu dùng phương thức *thuyết minh* đặc điểm sự vật, các chi tiết tường thuật, miêu tả vẫn biểu hiện tình cảm và sự đánh giá kín đáo mà đúng đắn với sự việc, cảnh vật, con người và tính chất chứng nhân lịch sử về khá nhiều phương diện cũng đồng thời được khẳng định.

Cần cho HS thấy tác giả đã phân biệt chế độ thuộc địa Pháp, động cơ xây dựng cầu (có cơ sở hạ tầng tốt mới tiến hành được triệt để việc khai thác thuộc địa) với bản thân nền khoa học – kĩ thuật tiên tiến mà nhân dân, các nhà khoa học Pháp bấy giờ đã đạt được. Mặt khác, cho HS so sánh cầu Long Biên với cầu Thăng Long và Chương Dương để hiểu rõ vì sao tác giả trong đoạn đầu và đoạn cuối đã hai lần nhấn mạnh cầu Long Biên "đã rút về vị trí khiêm nhường". Đánh dấu "thành tựu quan trọng trong thời văn minh cầu sắt" cũng là một chuẩn của "chứng nhân lịch sử", song đối với người Hà Nội, đối với nhân dân Việt Nam, những phương diện khác của chứng nhân lịch sử cầu Long Biên còn có ý nghĩa hơn.

**Hoạt động 3.** Tìm hiểu đoạn văn từ "Năm 1945" đến "nhưng vẫn dẻo dai, vững chắc".

HS có thể chỉ ra những sự vật, sự việc đã được ghi lại và ý nghĩa chứng nhân lịch sử của chúng (những năm tháng hoà bình ở miền Bắc sau năm 1954, những năm tháng chống Mĩ cứu nước,...).

HS có thể thắc mắc vì sao tác giả lại nói chuyện các chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô rút lui khỏi Hà Nội đầu năm 1947 sau khi tả cảnh cầu Long Biên những năm tháng hoà bình (sau 1954). Cần biểu dương cách nêu thắc mắc có mặt xác đáng đó song cũng cần cho HS rõ, vì bài văn có tính chất hồi kí nên một số chỗ được viết theo mạch cảm xúc chứ không nhất thiết phải theo trình tự việc xảy ra trước nói trước,

việc sau nói sau. Và xét từ góc độ đó, vẫn có thể thấy tính chất liên tục, hợp lí của những hồi ức cụ thể xuất phát từ thời điểm hiện tại.

Trong những sự vật, sự việc được ghi lại, có một bài thơ về cầu Long Biên đã được sử dụng trong SGK và một đoạn thơ đã được phổ nhạc. Điều đó vừa chân thực (vì những ấn tượng, cảm nghĩ trực tiếp về cầu ở những thời điểm đó, tác giả chưa thể có), vừa có tác dụng nâng cao ý nghĩa tư tưởng của bài văn : Ở đây cái "Tôi" đã hoà quyện với cái "Ta" ; tình cảm đối với quê hương đất nước, đối với di tích lịch sử của những thế hệ sau đã được tình cảm của bao thế hệ đàn anh nuôi dưỡng.

HS có thể chứng minh tình cảm của tác giả ở đoạn văn này bộc lộ rõ ràng và tha thiết hơn ở đoạn văn trên qua việc so sánh về hình thức biểu hiện của ngôi kể (tác giả đã dùng từ *tôi* mười lần), về phương thức biểu đạt, về cách sử dụng từ ngữ. Có thể cho HS lần lượt nêu ra những từ, đặc biệt là danh từ, động từ và tính từ có sắc thái biểu hiện tình cảm rõ nét như : *trang trọng, nồng sâu* (trong trí óc), (say mê) *ngắm, quyến rũ, khát khao, bi thương, hùng tráng, oanh liệt, oai hùng, thân thương, tả tôi, ứa máu,...*

#### **Hoạt động 4.** Tìm hiểu đoạn đầu, đoạn cuối và ý nghĩa chung của bài văn.

Cho HS thấy tác giả đã dùng thủ pháp *nhân hoá* trong việc gọi tên cầu Long Biên : Không gọi cầu là vật *chứng*, hay *chứng tích* mà gọi là *chứng nhân* và *nhân chứng*. Cách *nhân hoá* đó đã đem lại sự sống, linh hồn cho sự vật vô tri vô giác. Cầu Long Biên đã trở thành *người đương thời* của bao thế hệ, như nhân vật bất tử chịu đựng, nhìn thấy, xúc động trước bao đổi thay, bao nỗi thăng trầm của thủ đô, của đất nước cùng với con người.

Qua hoạt động 2 và 3, HS đã tìm hiểu nội dung lịch sử nhiều mặt, nhiều vẻ mà cầu Long Biên đã chứng kiến, song ở hoạt động này, cần nhấn mạnh ba đặc điểm của nội dung đó là *sống động, đau thương và anh dũng* như câu chốt của đoạn đầu đã khẳng định.

Đoạn cuối văn tiếp nối được giọng điệu trữ tình của phần cuối đoạn thân bài. Lịch sử và hình ảnh cầu Long Biên không chỉ làm cho bao thế hệ người Việt Nam xúc động mà còn làm cho bao khách du lịch nước ngoài "trầm ngâm" suy nghĩ. Giữa ta và họ ít nhiều vẫn còn khoảng cách. Chính "cầu Long Biên như một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng" đã góp phần xoá dần khoảng cách ấy nên từ một chiếc cầu bằng sắt nối khoảng cách đôi bờ, tác giả đã gợi cho ta nghĩ đến một "nhiệt cầu vô hình" rút ngắn dần cự li giữa những trái tim.

Phải thừa nhận đây là một ý kết thúc hay, để lại nhiều dư vị.